TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST Ngày 12-4-2024 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Khmau

Ông Dương Thành Huynh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2023/TLST-HNGTĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Ngọc D, sinh năm 1992; cư trú tại số A, ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm Quang H, sinh năm 1984; cư trú tại 9214 33 RD AVE S APT # 4, LAKEWOOD WA 98499 - 3583, Hoa Kỳ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc D trình bày: Năm 2017, chị và anh Lâm Quang H kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng hạnh phục, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, không còn quan tâm, không còn liên lạc với nhau. Hiện nay, anh H đã có vợ khác và có con ở Hoa Kỳ, nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn anh Lâm Quang H trình bày: Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Thạch Thị Ngọc D. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy chị Thạch Thị Ngọc D và anh Lâm Quang H kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam. Sau khi kết hôn, chị D và anh H không thực hiện được tình nghĩa vợ chồng. Nay, hai người đều đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, cho chị D ly hôn với anh H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc D làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 08). Bị đơn anh Lâm Quang H có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, đồng ý cho Tòa án xét xử vụ án vắng mặt (BL 20). Do đó, căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D và anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh H kết hôn vào ngày 04/12/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo chị D khai, sau khi kết hôn, chị D sinh sống ở Việt Nam, còn anh H xuất cảnh trở về Hoa Kỳ và hiện nay anh H chung sống với người khác ở Hoa Kỳ và đã có con nên chị D xin ly hôn với anh H. Anh H có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, cho chị D ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị D và anh H đều khai, không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh H đều khai, không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị D và anh H đều khai, không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, cho chị D ly hôn với anh H; không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0019458, ngày 18/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Thạch Thị Ngọc D.

1. Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Ngọc D ly hôn với anh Lâm Quang H.

2. Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Thạch Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Thạch Thị Ngọc D đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0019458, ngày 18/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của

pháp luật, để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ký tên và đóng dấu)

Ngô Đê